

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức;

Xét Tờ trình số 109/TTr-VP và Đề án số 108/ĐA-VP ngày 19/3/2024 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 883/TTr-SNV ngày 26/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Vị trí việc làm: 29 vị trí.

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí.

- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 15 vị trí.
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 08 vị trí.
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Cơ cấu ngạch công chức gồm:

2.1. Tỷ lệ cơ cấu ngạch nhóm vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý: không xác định cơ cấu ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2.2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý:

- Ngạch Chuyên viên chính và tương đương: 06/15 người (chiếm 40%).
- Ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống: 09/15 người (chiếm 60%).

Điều 2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế giao hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và lao động hợp đồng theo đúng quy định.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Đề án vị trí việc làm và các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 28/3/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng	Ghi chú
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý			
1	Chánh Văn phòng	VP-LĐQL.01	Chuyên viên chính trở lên	
2	Phó Chánh Văn phòng	VP-LĐQL.02	Chuyên viên chính trở lên	
3	Trưởng phòng	VP-LĐQL.03	Chuyên viên trở lên	
4	Phó Trưởng phòng	VP-LĐQL.04	Chuyên viên trở lên	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành			
1	Chuyên viên chính về Tổng hợp công tác Quốc hội	VP-NVCN.01	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về Tổng hợp công tác Quốc hội	VP-NVCN.02	Chuyên viên	
3	Chuyên viên về tài chính, ngân sách, kinh tế, khoa học công nghệ và môi trường mảng Quốc hội	VP-NVCN.03	Chuyên viên	
4	Chuyên viên về văn hoá, giáo dục, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo, thanh thiếu niên và nhi đồng mảng Quốc hội	VP-NVCN.04	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về công tác Pháp chế mảng Hội đồng	VP-NVCN.05	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về công tác Pháp chế mảng Hội đồng	VP-NVCN.06	Chuyên viên	
7	Chuyên viên chính về công tác Kinh tế - Ngân sách mảng Hội đồng	VP-NVCN.07	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về công tác Kinh tế - Ngân sách mảng Hội đồng	VP-NVCN.08	Chuyên viên	
9	Chuyên viên chính về công tác Văn hoá - Xã hội mảng Hội đồng	VP-NVCN.09	Chuyên viên chính	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng	Ghi chú
10	Chuyên viên về công tác Văn hoá - Xã hội mảng Hội đồng	VP-NVCN.10	Chuyên viên	
11	Chuyên viên chính về công tác Dân tộc mảng Hội đồng	VP-NVCN.11	Chuyên viên chính	
12	Chuyên viên về công tác Dân tộc mảng Hội đồng	VP-NVCN.12	Chuyên viên	
13	Chuyên viên chính về hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, chất vấn	VP-NVCN.13	Chuyên viên chính	
14	Chuyên viên về hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, chất vấn	VP-NVCN.14	Chuyên viên	
15	Chuyên viên về công tác tiếp xúc cử tri, dân nguyện, thông tin, tuyên truyền	VP-NVCN.15	Chuyên viên	
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			
1	Chuyên viên về tổng hợp tham mưu, giúp việc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	VP-CMDC.01	Chuyên viên	
2	Chuyên viên về tổng hợp Văn phòng	VP-CMDC.02	Chuyên viên	
3	Chuyên viên về công nghệ thông tin	VP-CMDC.03	Chuyên viên	
4	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	VP-CMDC.04	Kế toán viên	
5	Kế toán viên	VP-CMDC.05	Kế toán viên	
6	Văn thư viên	VP-CMDC.06	Văn thư viên	
7	Chuyên viên về lưu trữ	VP-CMDC.07	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về thủ quỹ	VP-CMDC.08	Chuyên viên	
IV	Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên Phục vụ	VP-HTPV.01		
2	Nhân viên Lái xe	VP-HTPV.02		